

Số: 621/QĐ-UBND

KBang, ngày 20 tháng 11 năm 2012

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt Quy hoạch chi tiết xây dựng
Nghĩa trang nhân dân trung tâm huyện Kbang, tỉnh Gia Lai

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN KBANG

Căn cứ Luật tổ chức HĐND và UBND ban hành năm 2003;
Căn cứ Luật Xây dựng năm 2003;
Căn cứ Nghị định số 08/2005/NĐ-CP ngày 24/01/2005 của Chính phủ về Quy hoạch Xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 35/2008/NĐ-CP ngày 25/3/2008 của Chính phủ về xây dựng, quản lý và sử dụng Nghĩa trang;

Căn cứ Quyết định số 193/QĐ-TTg ngày 02/02/2010 của Bộ Xây dựng về việc ban hành nội dung thể hiện bản vẽ, thuyết minh đối với nhiệm vụ và Đồ án quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 80/QĐ-UBND ngày 09/4/2012 của Ủy ban nhân dân huyện Kbang về việc phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch chi tiết xây dựng Nghĩa trang nhân dân trung tâm huyện Kbang, tỉnh Gia Lai ;

Căn cứ Thông báo số 146/TB-UBND ngày 01/8/2012 : Nội dung kết luận của đ/c Trần Vĩnh Hương - Chủ tịch UBND huyện tại cuộc họp thông qua quy hoạch chi tiết xây dựng bãi xử lý rác thải trung tâm và nghĩa trang nhân dân trung tâm huyện;

Căn cứ Công văn số 160/CCBVMT- TH&ĐTM ngày 31/10/2012 của Chi cục Bảo vệ Môi trường- Sở Tài nguyên và Môi trường V/v bổ sung hoàn chỉnh hồ sơ báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án quy hoạch chi tiết xây dựng nghĩa trang nhân dân và quy hoạch chi tiết bãi xử lý rác thải trung tâm huyện Kbang;

Trên cơ sở hồ sơ thiết kế do Trung tâm quy hoạch và kiểm định xây dựng Gia Lai lập. Xét Tờ trình số : 76/TT- KT&HT ngày 18 / 11/2012 của phòng Kinh tế và Hạ tầng và Báo cáo thẩm định số 214 /TĐ- KT&HT ngày 16/ 11/2012 của phòng Kinh tế và Hạ tầng ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Quy hoạch chi tiết xây dựng Nghĩa trang nhân dân trung tâm huyện KBang, tỉnh Gia Lai với các nội dung sau:

1. Tên quy hoạch : Quy hoạch chi tiết xây dựng nghĩa trang nhân dân trung tâm huyện KBang, tỉnh Gia Lai.

2. Địa điểm và ranh giới quy hoạch:

2.1. Địa điểm : Xã Lơ Ku, huyện Kbang, tỉnh Gia Lai.

2.2. Ranh giới:

Phía Bắc giáp núi (có rừng).

Phía Nam giáp đường liên xã.

Phía Đông giáp khe suối cạn.

Phía Tây giáp khe suối cạn.

3. Quy mô quy hoạch và hình thức đầu tư :

3.1. Quy mô quy hoạch:

- Quy mô: 12,39 ha.
- Tỷ lệ: 1/2000.

3.2. Hình thức đầu tư:

Trong tương lai xa, khi kinh tế - xã hội phát triển, nhận thức xã hội đạt trình độ cao, ý thức đầy đủ về bảo vệ môi trường. Đồng thời trước sức ép của dân số đối với quỹ đất hiện có thì việc quy hoạch chi tiết xây dựng nghĩa trang nhân dân huyện Kbang là cần thiết và phù hợp với tình hình phát triển của Huyện.

Hình thức đầu tư: Quy hoạch xây dựng mới.

Nguồn vốn đầu tư: Ngân sách.

3.3. Thời gian phục vụ của khu quy hoạch:

Thời gian hoạt động của nghĩa trang cũng phải tương đối lâu dài, ổn định, thời gian khai thác sử dụng trong vài chục năm. Trong quá trình hoạt động đó, tình hình kinh tế - xã hội cũng có nhiều thay đổi. Cùng với tiến bộ của xã hội, hình thức và phương pháp an táng người qua đời cũng có nhiều thay đổi mới phù hợp hơn.

Theo ước tính quy mô dân số của toàn huyện hiện nay thì quy mô quy hoạch của đồ án này phục vụ đến năm 2050.

4. Nội dung quy hoạch:

4.1. Quy hoạch sử dụng đất:

Cơ cấu sử dụng đất

STT	Loại đất	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)
1	Đất công trình công cộng.	0,39	3,15
	- Đất khu nhà linh	0,05	
	- Đất khu nhà quản lý nghĩa trang	0,05	
	- Bãi đậu xe	0,22	
	- Đất trạm xử lý nước thải	0,07	
2	Đất nghĩa trang	4,70	37,93
	- Đất mai táng	4,07	
	- Đất cải táng	0,63	
3	Đất cây xanh	3,21	
	- Đất hoa viên cây xanh	1,86	
	- Đất cây xanh cách ly	1,26	
4	Đất mặt nước	0,29	2,34
5	Đất kê chống sạt lở	0,77	6,22
6	Đất giao thông	3,12	25,18
Tổng diện tích		12,39	4,41

4.2. Quy hoạch kiến trúc cảnh quan:

Theo trục đường liên xã từ thị trấn đi vào, mở trục đường Đ1 làm trục giao thông chính đi vào Nghĩa trang, mở các đường cắt ngang qua trục giao thông chính tạo thành hệ thống thông thoáng.

Phía Nam Nghĩa trang (đoạn đầu đường trục giao thông chính) được bố trí cổng chính vào Nghĩa trang, bên phải cổng chính bố trí Nhà điều hành, bãi đậu xe và trạm xử lý nước thải; bên trái cổng là hoa viên cây xanh, nhà linh.

Chọn hướng chủ đạo cho cảnh quan theo trục Bắc Nam là cổng vào chính, nhà linh, hoa viên cây xanh trồng theo tuyến thấp dần về hướng Đông.

Bố trí trục cảnh quan Đông Tây làm hướng vuông góc với trục cảnh quan chính.

Lưới giao thông tạo thành modul cho các Khu mai táng và cải táng. Xung quanh ranh giới khu đất quy hoạch chủ yếu bố trí trồng cây xanh bóng mát, cách ly

* Quy hoạch theo lô :

+ Mỗi khu mai táng có diện tích là 0,05 - 0,17 ha từ 60-184 mộ . Diện tích mỗi mộ mai táng: (2m x 2,5m = 5m²). Toàn bộ nghĩa trang có 4.912 mộ mai táng.

+ Mỗi khu cải táng có diện tích là 0,11 ha gồm 154 mộ. Diện tích mỗi mộ cải táng: (1,5m x 2m = 3m²) Toàn bộ nghĩa trang có 1.140 mộ cải táng .

Dải quy hoạch cây xanh: Cây xanh được trồng dọc theo trục chính của mỗi khu, mỗi khu cách nhau 3 m đường nội bộ

+ Nhóm cây bóng mát cách ly: Chủ yếu là cây bản địa, có tuổi đời lâu năm , loại cây có tán rộng lá dày. Khu vực ranh giới công viên đất quy hoạch trồng xen kẽ cây lá lớn có chiều cao trung bình 5m với bề rộng 20m nhằm giải quyết vấn đề môi trường. Nền khu vực trồng cây bóng mát trồng cỏ, bố trí đường dạo bộ rộng 1,0m.

+ Nhóm cây vỉa hè, tạo tuyến trục cảnh quan: Trồng cây có tán đều, thân vươn cao không cản tầm nhìn giao thông, ít rụng lá cao từ 3-7m. Lưu ý sử dụng loại cây thuộc bộ rễ chùm là tốt nhất để tránh ảnh hưởng đến phần mộ đã chôn cất.

+ Nhóm cây trang trí: Trồng theo thảm, theo các mảng hình học, sử dụng loại cây dạng bụi cao 0,3- 0,5m. Cây có lá và hoa với màu sắc đa dạng, loại cây này chủ yếu trồng trong các khu cải táng và mai táng.

+ Các chủng loại cây trồng trong nghĩa trang phải là loại cây rễ cọc để khi cây phát triển bộ rễ không ảnh hưởng đến phần mộ và chống đổ ngã trong mùa mưa bão.

Đất một khu mai táng và cải táng được bố trí các khu hoa viên cây xanh để cho không gian được thoáng mát, tạo vẻ yên tĩnh, trang nghiêm.

Quy hoạch phân khu đất:

- Diện tích 1 lô mộ mai táng (2m x 2,5m) = 5m². Tổng số là: 4.912 ngôi mộ.

- Diện tích 1 lô mộ cải táng (1,5m x 2m) = 3m². Tổng số là : 1.140 ngôi mộ.

4. 3. Quy hoạch hạ tầng kỹ thuật :

4.3.1. Quy hoạch giao thông:

Stt	Tên loại đường	Lòng đường (m)	Dải phân cách (m)	Vỉa hè (m)	Chỉ giới đường đỏ (m)
1)	Đường Q.H Đ1	5,5	0	2 x 2	9,5
2)	Đường Q.H Đ2	3	0	1 x 2	5

Kết cấu mặt đường : áp dụng đường nội bộ trong tiểu khu ở với xe tải trọng P = 9,5 tấn.

- Đá dăm lát nhựa, tiêu chuẩn 5,5kg, đầm chặt K=0,98, cao h = 20cm.

- Mặt đường cấp phối chọn lọc, đầm chặt K=0,98, cao h = 20cm.

- Nền đường lu chèn chặt đạt K=0,95.

4.3.2. San nền:

Đây là khu vực địa hình tương đối bằng phẳng

+ Cao độ tự nhiên:

- Cao độ tự nhiên cao nhất: 492 ,0m.

- Cao độ tự nhiên thấp nhất: 464,0m.

- Cao độ tự nhiên trung bình: 478,0m.
- + Cao độ thiết kế:
 - Cao độ thiết kế cao nhất: 491,5 m
 - Cao độ thiết kế thấp nhất: 464,5m
 - Cao độ thiết kế trung bình: 478,0m

+ Giải pháp san nền:

Hướng thoát nước từ tây sang đông, đất đắp tận dụng 80% đất đào, nền san ủi cục bộ từng lô với độ dốc 0,5-5%

+ Khối lượng san lấp:

- Tổng diện tích san lấp: 8,22 ha
- Diện tích đất đào: 4,93 ha
- Diện tích đất đắp: 3,29 ha
- Thể tích đất đào: 8.220 m³
- Thể tích đất đắp: 6.576 m³

4.3.3. Cấp điện:

* Nguồn điện: Điện lưới Quốc gia, đấu nối từ đường điện 22kV thuộc xuất tuyến 472 Kbang đi làng Lọt - xã Lơ Ku hiện có.

- Công suất cấp điện:

- + Cấp điện sinh hoạt : p= 1 kw.
- + Cấp điện chiếu sáng giao thông: p= 7 kw
- + Cấp điện trạm xử lý nước thải: p= 15 kw
- + Tổng công suất cấp điện: p= 23 kw

+ Đường điện 22kV dùng cột BTLT 10,5m , dây dẫn 3xAC-70 đi nổi cho toàn tuyến.

- Chọn 1 trạm biến áp 30 KVA - 22/0,4 KV.

+ Đường điện 22 kV xây dựng mới dùng dây nhôm lõi thép AC-70mm² đi nổi trên không dùng cột thép và cột bê tông ly tâm 12m.

+ Đường điện cáp ngầm 0,4kV cấp điện cho trạm xử lý nước dùng dây CW 3*50+1*25mm².

+ Đường điện cáp ngầm 0,4kV cấp điện cho các cột đèn chiếu sáng và trang trí dùng dây dẫn cáp bọc hạ thế CVV 4*25mm².

+ Chiếu sáng ngoài trời dùng cột đèn 9m , bóng cao áp thủy ngân Sodium 250W-220V đi dọc trục đường giao thông nội bộ.

Bảng thống kê khối lượng

STT	Danh mục	Đvt	Khối lượng
1	Trạm biến áp 30 KVA 22/0,4KV	Trạm	01
2	Đường điện 0,4KV và chiếu sáng	Km	0,7

4.3.4. Cấp nước:

- Công suất cấp nước:

- + Nước xây mộ: 20 m³/ngày.đêm
- + Nước tưới cây: 10 m³/ngày.đêm
- + Tổng công suất cấp nước: 30 m³/ngày.đêm

Nguồn nước:

- Dùng nước ngầm từ giếng khoan D185 sâu 120m để cấp nước cho nghĩa trang.

- Đường ống cấp nước dùng ống nhựa HDPE D50 đặt dọc theo trục giao thông chính, độ sâu chôn ống trung bình 0,7m. Trên mạng bố trí các van xả D34 để xả nước tưới cây xanh.

Bảng thống kê khối lượng

STT	Danh mục	Đvt	Khối lượng
1	Thủy đài 20m3, cao 12m	Bộ	01
2	Giếng khoan D185, sâu 120m	Bộ	01
3	Đường ống nhựa HDPE D50	Km	0,6
4	Thiết bị máy bơm	Bộ	0,1

4.3.5. Thoát nước và xử lý môi trường :

- Toàn bộ nước thấm khu chôn cất được đưa dẫn về trạm xử lý lắng lọc đạt tiêu chuẩn loại B - TCVN rồi thải ra môi trường tự nhiên.
- Nước thấm khu chôn cất dùng mương xây đá hộc đáy nắp đan BTCT rộng 700 sâu 2500

Xây dựng 01 Trạm xử lý nước để xử lý toàn bộ nước bẩn ô nhiễm của Nghĩa trang. Nước thải và nước mặt được dẫn tập trung về trạm xử lý nước để xử lý nước đạt tiêu chuẩn loại B -TCVN rồi mới xả ra môi trường tự nhiên.

Giải pháp chống thấm thấu từ các phần mộ: xây đá hộc hoặc gạch thẻ có chống thấm tại các sanh phần trước khi chôn lấp.

Cây xanh cách ly: tối thiểu là 20m.

Khoảng cách ly phạm vi khu vực xung quanh Nghĩa trang không được xây dựng nhà ở và đào giếng là 200m.

Bảng thống kê khối lượng

STT	Danh mục	Đvt	Khối lượng
1	Mương thu nước 700x2500	Km	0,7
2	Cống hộp qua đường 750x750	Bộ	01
3	Trạm xử lý nước thải	Trạm	01

5. Đánh giá tác động môi trường:

5.1. Nguồn gây tác động

- Giai đoạn thi công:
- Giai đoạn hoạt động:

5.2. Dự báo những rủi ro và sự cố môi trường

5.3. Đối tượng và quy mô bị tác động

5.4. Đánh giá tác động

- Tác động đến môi trường không khí
- Tác động đến môi trường nước

c. Chất thải rắn

d. Tác động đến môi trường kinh tế - xã hội

(Hồ sơ đánh giá tác động môi trường sẽ được trình thẩm định và phê duyệt của cấp có thẩm quyền khi triển khai dự án đầu tư)

Điều 2. Điều 2 . Giao cho phòng Kinh tế và Hạ tầng phối hợp với các phòng ban liên quan, UBND xã Lơ Ku tổ chức công bố, cắm mốc quy hoạch và triển khai quy hoạch theo đúng qui định hiện hành của pháp luật

Điều 3 . Các ông Chánh văn phòng HĐND và UBND huyện, Trưởng phòng : Tài Chính- Kế hoạch, Kinh tế và Hạ tầng, Tài nguyên- Môi Trường, Ban quản lý Công trình đô thị, Thủ trưởng các cơ quan liên quan và Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị trấn Kbang , UBND xã Lơ Ku chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận :

- Như điều 3 ;
- Lưu VP,VT,TH.



**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN
CHỦ TỊCH**

Châu Văn Hùng